TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-PT
Ngày 28-3-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Oanh;
Ông Nguyễn Đức Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị: Ông Đỗ Hoàng Sâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hương C, sinh năm 1968; địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn A, huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1947; địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị L– Luật gia, Công ty luật V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: 146/1 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đoàn Thanh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ1, xã T2, huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị L– Luật gia, Công ty luật V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: 146/1 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Anh Đoàn Thanh L, sinh năm 1980 và chị Hoàng Thị Thanh N, sinh năm 1980 (con trai và con dâu của ông T); cùng địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Đều có mặt.

+ Ông Đặng Sỹ T4, sinh năm 1960; địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn T là bị đơn và anh Đoàn Thanh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017, đơn trình bày ngày 25/7/2018 và ngày 22/8/2018, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Hương C trình bày:

Sau khi đấu giá trúng lô đất ở Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T3, tỉnh Quảng Trị do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T3, tỉnh Quảng Trị tổ chức ngày 31/8/2014; đến ngày 19/01/2015 ông Nguyễn Hương C được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T3, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BU 949459, diện tích 185m^2, thửa đất 971, tờ bản đồ số 03, tại Tiểu khu 4, thị trấn A , huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Ông C đã được phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T3 giao đất trúng đấu giá trên thực địa, hai bên đã ký biên bản bàn giao đất do trúng đấu giá và đã được cấp GCNQSD đất.

Đến tháng 03/2017, khi đến kiểm tra đất để chuẩn bị làm nhà thì ông C phát hiện lô đất ông được cấp GCNQSDĐ số BU 949459, diện tích 185m^2, thửa đất 971, tờ bản đồ số 03, tại tiểu khu 4, thị trấn A đã bị ông Đoàn Văn T lấn chiếm để xây dựng lều ở, làm chuồng bò, tự rào cột bê tông, giăng dây thép gai toàn bộ. Ông C nhiều lần yêu cầu ông T tháo dỡ toàn bộ tài sản có trên đất, trả lại phần đất lấn chiếm cho ông C nhưng ông T không đồng ý. Ông C gửi đơn đến UBND thị trấn A yêu cầu giải quyết nhưng UBND thị trấn A tổ chức hòa giải không thành vì ông T vẫn không đồng ý trả lại đất lấn chiếm cho ông C, nên ông C làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Đoàn Văn T phải tháo dỡ lều ở, chuồng bò, hàng rào cột bê tông, dây thép gai và toàn bộ những tài sản có trên đất để trả lại toàn bộ diện tích đất 185m^2 nói trên cho ông C.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 08/11/2017, ngày 21/8/2018, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị

đơn ông Đoàn Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày:

Trước năm 1990, ông T sống tại xã Triệu Long, huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Do đi làm nghề thợ nề và phải qua đò ngang vất vả, nên hai bố con ông T và anh T1 sang thôn A, xã Triệu Ái, huyện T3 xin đất ở để thuận tiện cho ông T đi làm thợ nề, còn con ông T là anh Đoàn Thanh T1 làm thợ may. Đến năm 1990 thì hai bố con ông T được Hợp tác xã (HTX) A và UBND xã Triệu Ái, huyện T3 cho đất ở làm nghề. Lúc này anh Hòa - cán bộ địa chính xã Triệu Ái chỉ đất gần Quốc lộ 1A nhưng toàn nước và hố bom, nên đã chỉ cách đường 20m và ông T cùng với con ông T là anh T1 làm quán may mặc phía trước, phía sau nhà làm chuồng bò và lán bỏ cốp pha, giàn giáo đi làm nghề nề xây dựng.

Đến năm 1991, UBND huyện T3 về kiểm tra ghi tên Đoàn Văn T và đồng ý cho ở lại tại chỗ, lúc đó hai bố con ông T và anh T1 làm nhà ở.

Đến năm 1992, ông T đưa vợ con đến ở gồm bà Đỗ Thị Hồng và con trai út là Đoàn Thanh L.

Đến năm 1999, con trai ông T là Đoàn Thanh T1cưới vợ, nên năm 2000 anh Đoàn Thanh T1về sống tại nhà cũ ở thôn Đâu Kênh, xã T, huyện T3, tỉnh Quảng Trị.

Hiện nay, bà Đỗ Thị H đã chết, còn ông T, con trai Đoàn Thanh L và con dâu Hoàng Thị Thanh N ở lại trên mảnh đất từ đó đến nay.

Ông T trình bày phần đất phía trước đã làm nhà để ở, phần đất phía sau làm chuồng bò và lán bỏ cốp pha, đồ đạc để đi làm nghề. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp, ông T đã làm hàng rào bằng gỗ nhưng do bị hư hỏng nên rào lại bằng thép gai; ông T cho rằng ông không lấn đất của ông C. Việc UBND huyện đưa ra đấu giá lô đất và ông C trúng đấu giá gia đình ông T không biết. Đến tháng 5/2017 ông C đến nhà ông T nói làm nhà, nên ông T mới biết đất đã cấp cho ông C, do đó ông không chấp nhận trả lại đất cho ông C, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hương C.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 24/11/2017, ngày 25/7/2018, ngày 17/9/2018, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T1 trình bày:

Năm 1990, anh T1cùng bố là ông Đoàn Văn T xin đất của HTX A và UBND xã Triệu Ái để làm quán may mặc. Sau khi đơn xin cấp đất được HTX A đồng ý thì ông T và anh T1làm một căn nhà cấp 4, diện tích 24m^2 (6m x 4m), lúc này anh T1còn nhỏ nên mọi việc làm nhà do ông T trực tiếp làm, anh T1sống với ông T đến năm 2000 thì về sống tại ngôi nhà cũ của ông T ở thôn Đâu Kênh, xã Triệu Long, huyện T3, tỉnh Quảng Trị từ đó đến nay. Anh

T1không biết gì về việc ông Nguyễn Hương C đấu giá đất và tranh chấp với ông T; từ khi về sống ở thôn Đâu Kênh thì anh T1đã giao toàn bộ đất và nhà cửa cho ông T, còn anh T1không liên quan gì vì quá trình sử dụng đất như trồng hoa màu, làm chuồng bò, bỏ ván cốp pha đều do ông T trực tiếp làm. Tuy nhiên, hiện nay anh T1đang có nhu cầu sử dụng đất nên đề nghị ông Đoàn Văn T phải trả lại 185m^2 đất, đồng thời đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số BU 949459 ngày 19/01/2015 của UBND huyện T3 cấp cho ông Nguyễn Hương C.

Ngày 12/11/2018 anh Đoàn Thanh T1 khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BU 949459 ngày 19/01/2015 của UBND huyện T3 cấp cho ông Nguyễn Hương C, và tại Công văn số 121/CV-TA ngày 23/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị chuyển đơn khởi kiện của ông T đến Tòa án nhân dân huyện T3 để giải quyết trong cùng vụ án dân sự này (theo khoản 1 Điều 34 BLTTDS) nên anh T1 đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh L và chị Hoàng Thị Thanh N (con trai và con dâu ông T) trình bày:

Từ khi lớn lên đến năm 1991, anh L sống tại thôn Đ1, xã T2, huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Đến năm 1992, cha anh L là ông Đoàn Văn T đưa anh L lên sống với ông T tại Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T3. Năm 2001, anh L cưới vợ là chị Hoàng Thị Thanh N và vợ chồng anh L sống với ông Đoàn Văn T từ đó đến nay. Đối với đất đai, anh L không biết gì cả, đối với nhà cửa do ông T làm ra, anh L chỉ sống chung với ông T và không liên quan gì.

Theo các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Sỹ T4 trình bày:

Phần đất mà ông C và ông T đang tranh chấp được gia đình ông T4 sử dụng từ năm 1992 để trồng cây cối, hoa màu, cây khế, cây giàu. Phần đất tranh chấp này giáp ranh giới phía sau lưng nhà ông T4, không giáp với đất của ông T. Sau lưng đất của ông T là đất của ông Nguyễn Xuân T5 (theo sơ đồ). Vì vậy, năm 2010, UBND thị trấn A, huyện T3 đã kiểm kê, áp giá đền bù hoa màu, cây cối trên lô đất mà ông C trúng đấu giá quyền sử dụng đất, và gia đình ông T4 đã nhận đủ số tiền đền bù là 1.472.000 đồng, còn gia đình ông T không sử dụng phần đất này nên không được đền bù hoa màu, cây cối trên phần đất đang tranh chấp. Ông T chỉ được đền bù trên phần đất giáp với đất ông T (đất ông T5 - không liên quan gì lô đất ông C). Vì vậy, ông T4 cũng đề nghị ông T trả lại đất cho ông C, vì lô đất này trước khi ông C trúng đấu giá là đất sân bay quốc phòng, do Nhà nước quản lý (đất trống), không phải đất của ông T hay của ai cả.

Trong GCNQSD đất UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho ông T4 và cấp cho ông T đều ghi "phía Đông giáp đất trống…".

Bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của TAND huyện T, tỉnh Quảng Trị quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 7 Điều 166 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hương C.

Buộc ông Đoàn Văn T phải tháo dỡ toàn bộ công trình, vật liệu, cây cối có trên đất gồm: Hàng rào bằng cọc bê tông và dây kẽm gai, am thờ, giàn trồng cây làm bằng cọc bê tông, cây tràm, tre để trồng hoa thiên lý; chuồng bò; nhà bếp xây bằng tường bờ lô, mái lợp tôn; các đống cốp pha và các tài sản khác có trên đất để trả lại diện tích 184,6m^2 đất cho ông Nguyễn Hương C, tại thửa đất số 971, tờ bản đồ số 03 tại Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T3, tỉnh Quảng Trị.

Ranh giới thửa đất được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Thanh V có chiều dài 26m;

+ Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Xuân T5 có chiều dài 25,89 m;

+ Phía Đông giáp đường T19 có chiều dài 7,10m;

+ Phía Tây giáp đất ông Đặng Sỹ T4 có chiều dài 7,10m.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Thanh T1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 949459 ngày 19/01/2015 của UBND huyện T3 cấp cho ông Nguyễn Hương C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/11/2018, bị đơn ông Đoàn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh T1 kháng cáo bản án sơ thẩm với cùng một nội dung như sau:

- Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và xét xử không đúng quy định của pháp luật.

- Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung, xác minh được các chứng cứ và các vấn đề liên quan khác mà cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hương C và công nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Văn T và anh Đoàn Thanh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hương C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đoàn Văn T trả lại diện tích đất 185m^2, tại thửa đất số 971, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là đúng pháp luật, phù hợp với khoản 9 Điều 26 của BLTTDS.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về tố tụng:

- *Việc đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng:*

Xét thấy cần thiết và trên cơ sở yêu cầu của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận và đưa anh Đoàn Thanh T1 và ông Đặng Sỹ T4 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu đưa UBND huyện T3 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị xem xét hủy GCNQSD đất số BU 949459, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích rõ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ số BU 949459 cho ông Nguyễn Hương C là đúng theo quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm thấy GCNQSDĐ số BU 949459 không rõ ràng trái pháp luật, nên không xem xét yêu cầu hủy GCNQSDĐ nói trên theo khoản 1

Điều 34 BLTTDS, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện T3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng.

- Đối với yêu cầu của bị đơn về việc trưng cầu giám định chữ ký của ông Đoàn Văn T trong danh sách nhận tiền bồi thường:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 257 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông Đoàn Văn T. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Năm 2010, UBND thị trấn A, huyện T3 đã kiểm kê, áp giá đền bù hoa màu, cây cối trên lô đất mà ông C trúng đấu giá và gia đình ông Đặng Sỹ T (hộ trực tiếp có tài sản trên đất) đã nhận đủ số tiền đền bù là 1.472.000 đồng. Còn gia đình ông T không sử dụng phần đất này nên không được đền bù hoa màu, cây cối trên phần đất đang tranh chấp, ông T chỉ được đền bù hoa màu, cây cối trên phần đất giáp với đất của ông T (phần đất phía sau nhà ông T, đất hiện mang tên ông Nguyễn Xuân T5) nên không liên quan đến lô đất được cấp cho ông Nguyễn Hương C. Vì vậy, việc giám định chữ ký của ông T trong danh sách nhận tiền đền bù là không cần thiết, không liên quan đến việc giải quyết trong vụ án này. Sau này, nếu muốn thì ông T có thể khởi kiện UBND thị trấn A, huyện T3 bằng một vụ án khác để yêu cầu được nhận tiền đền bù và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung:

- Xem xét nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Hương C và ông Đoàn Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 25/6/1990, anh Đoàn Thanh T1(tên gọi khác là Đoạn T1 - con trai ông Đoàn Văn T), trú tại thôn Đ1, xã T2, huyện T3 có Đơn xin đất hành nghề gửi UBND xã T6 và Ban quản lý ruộng đất Hợp tác xã nông nghiệp A với nội dung: Đề nghị UBND xã T6 và Ban quản lý ruộng đất Hợp tác xã nông nghiệp A bố trí một chỗ đất để làm quán hành nghề may mặc tại Quốc lộ 1A, thôn A, xã T6, huyện T3. Đơn của anh T1 đã được Chủ tịch UBND xã T6 xác nhận đồng ý vào ngày 03/7/1990 với nội dung: "*Trong lúc chờ đợi quy hoạch của huyện, UBND xã đồng ý cho làm quán tạm thời. Nếu sau này trúng vào quy hoạch xây dựng cơ quan nhà nước, phải chuyển đổi đi nơi khác không được bồi hoàn"*. Như vậy, đất này lúc đó được UBND xã T6 quản lý, khi anh T1 xin đất thì chỉ được *UBND xã đồng ý cho làm quán tạm thời. Nếu sau này trúng vào quy hoạch xây dựng cơ quan nhà nước, thì anh T1 phải chuyển đổi đi nơi khác mà không được bồi hoàn.* Điều này chứng tỏ đất không phải do ông T khai hoang mà đất đang được UBND xã T6 quản lý.

Ông T cho rằng sau khi được UBND xã T6 chấp thuận, anh T1 và ông T tiến hành xây dựng nhà tạm diện tích 24m^2 (6m x 4m) để ở. Năm 1996 anh T1 lập gia đình và hai vợ chồng cùng sinh sống với ông T tại thửa đất trên. Đến

năm 2000 vợ chồng anh T1 chuyển về lại nhà cũ của gia đình tại xã T2 sinh sống. Sau khi anh T1 chuyển về ngôi nhà cũ thì ông T tiếp tục khai thác và sử dụng phần đất này từ đó đến nay.

Như vậy, chính ông T cũng cho rằng chỉ xây nhà tạm trên diện tích đất 24m2 (6m x 4m). Đối với phần đất ông T và anh T1 xin được sử dụng thì ngày 28/9/2001, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 2541/QĐ-UB cấp GCNQSDĐ số T033847, thửa đất số 69/2, tờ bản đồ số 03 diện tích 160m^2 tại thị trấn A cho hộ ông Đoàn Văn T. Theo hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của ông Đoàn Văn T thì ngoài đơn xin cấp GCNQSDĐ, ông T còn nộp Đơn xin đất hành nghề ngày 25/6/1990 được UBND xã Triệu Ái xác nhận. Như vậy, có thể khẳng định Quyết định số 2541/QĐ-UB đã xem xét đến đơn xin đất hành nghề của anh T1(sau này anh T1 giao lại cho ông T sử dụng). Biên bản lập hồ sơ thửa đất tại thực địa thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất trùng với vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất được UBND tỉnh Quảng Trị cấp cho ông T theo GCNQSDĐ số T033847. Trong GCNQSD đất cấp cho ông T có ghi "phía Đông giáp với đất trống", không phải giáp với đất còn lại của ông T, cũng không phải giáp với đất hoang. Đất trống này lúc đó do UBND xã T6 quản lý.

Mặt khác, theo kết quả xác minh của Tòa án thì trước khi UBND huyện T3 đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất, thửa đất đang tranh chấp do UBND thị trấn A quản lý. Phần đất này được ông Đặng Sỹ T4 sử dụng để trồng cây cối, hoa màu và xây dựng công trình phụ (giáp phía sau nhà ông T4 đang ở). Ngày 17/9/2010, UBND huyện T3 ban hành Quyết định số 938/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Cắm cọc phân lô, đo vẽ địa chính và đền bù giải phóng mặt bằng khu dân cư đường Quốc lộ 1A (đường T19). Danh sách đền bù, giải phóng mặt bằng của UBND huyện có 99 hộ được đền bù, trong đó có gia đình ông Đặng Sỹ T4 được bồi thường 1.472.000 đồng. Ông T4 khẳng định đã nhận đủ tiền đề bù hoa màu, cây cối trên đất. Như vậy, ông T cho rằng thửa đất đang tranh chấp do ông khai thác và sử dụng từ năm 1990 đến nay là không có cơ sở, không đúng với thực tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và anh T1 còn cho rằng, lô đất phía sau lưng nhà ông T (đất hiện mang tên ông Nguyễn Xuân T5) hiện nay ông T vẫn đang sử dụng hợp pháp và ông T cho rằng lô đất đó cũng là của ông T, không phải đất của ông T5 nào cả. Vấn đề này không liên quan đến vụ án tranh chấp đang giải quyết nên HĐXX phúc thẩm không xem xét. Sau này nếu có tranh chấp xảy ra giữa ông T5 và ông T thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, nguyên đơn ông Nguyễn Hương C yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả lại toàn bộ diện tích đất 185 m^2 cho ông C.

Tuy nhiên theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất này chỉ là 184,6m^2 (26m x 7,10m = 184,6m^2). Nguyên nhân của sự chênh lệch này là do sự sai lệch giữa đo máy và đo thủ công. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, buộc ông Đoàn Văn T phải trả lại cho ông Nguyễn Hương C 184,6 m^2, có tứ cạnh cụ thể.

- Về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Hương C:

Sau khi UBND huyện T3 thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng trình tự pháp luật quy định, vào ngày 31/8/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T3 tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thị trấn A. Ông Nguyễn Hương C tham gia và trúng đấu giá thửa đất số 971, tờ bản đồ số 03 với diện tích 185m^2. Ngày 17/9/2014, UBND huyện T3 đã phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất tại Quyết định số 1149/QĐ-UBND. Ngày 29/9/2014, ông Nguyễn Hương C kê khai, lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ và ngày 9/01/2015, UBND huyện T3 đã cấp GCNQSDĐ số BU 949459 cho ông Nguyễn Hương C, đồng thời đã bàn giao đất trên thực địa cho ông C, có lập biên bản, ký xác nhận (lúc đó trên đất không có tài sản gì của ông T).

Việc UBND huyện T3 cấp GCNQSDĐ số BU 949459 ngày 19/01/2015 cho ông Nguyễn Hương C là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở để hủy GCNQSDĐ theo yêu cầu của anh Đoàn Thanh T1. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của anh Đoàn Thanh T1 theo khoản 1 Điều 34 BLTTDS là có căn cứ.

- Về yêu cầu của anh Đoàn Thanh T1nbuộc ông Đoàn Văn T trả lại 185m^2 đất: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu của anh T1 là sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không xem xét. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy nhận định trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với cùng nội dung với kháng cáo của ông Đoàn Văn T. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đánh giá lại. Như đã phân tích ở trên, kháng cáo của anh Đoàn Thanh T1 không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xác minh, đánh giá chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã đánh giá một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hương C là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị cũng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần bác toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Bị đơn ông Đoàn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của TAND huyện T3, tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 7 Điều 166 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hương C.

Buộc ông Đoàn Văn T phải tháo dỡ toàn bộ công trình, vật liệu, cây cối có trên đất, gồm: Hàng rào bằng cọc bê tông và dây kẽm gai, am thờ, giàn trồng cây làm bằng cọc bê tông, cây tràm, tre để trồng hoa thiên lý; chuồng bò; nhà bếp xây bằng tường bờ lô, mái lợp tôn; các đống cốp pha và các tài sản khác có trên đất để trả lại diện tích 184,6m^2 đất cho ông Nguyễn Hương C, tại thửa đất số 971, tờ bản đồ số 03 tại Tiểu khu 4, thị trấn A, huyện T3, tỉnh Quảng Trị.

Ranh giới thửa đất được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp đất ông Hoàng Thanh V có chiều dài 26m;

+ Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Xuân T5 có chiều dài 25,89 m;

+ Phía Đông giáp đường T19 có chiều dài 7,10m;

+ Phía Tây giáp đất ông Đặng Sỹ T4 có chiều dài 7,10m.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Thanh T1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 949459 ngày 19/01/2015 của UBND huyện T3 cấp cho ông Nguyễn Hương C.

2. Về phi chí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Đoàn Văn T phải hoàn trả cho ông Nguyễn Hương C số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.720.000 đồng *(một triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đươc quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Ông Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0004373 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Ông T còn phải nộp 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng.

Anh Đoàn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0004374 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T3, tỉnh Quảng Trị. Anh T1 đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Hương C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hương C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0004197 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T3, tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện T3;
- CCTHADS huyện T3;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Phòng KTNV;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Luật